

Bản án số: 786/2022/HN-PT
Ngày: 15/12/2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con, tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Tú Quyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 954/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5458/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1990; Địa chỉ: 220 Lê Văn Khương, phường TA, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Lan Oanh, sinh năm 1978; Địa chỉ: Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, luật sư Công ty Luật TNHH MTV LS Việt Nam, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: 48/36 Lê Lợi, Phường 4, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim N, bị đơn ông Nguyễn Minh T.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2021, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T kết hôn từ năm 2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2015 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường TA, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể: Ông T đã đánh bà nhiều lần, hù dọa, khinh thường và dùng lời lẽ mang tính sỉ nhục. Ông bà ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/4/2016. Bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 05 lần mức lương cơ bản do nhà nước quy định.

Tài sản chung: Căn hộ chung cư số A2-02, tầng 16 Block A2 dự án khu căn hộ thương mại dịch vụ cao tầng đường KVC (gọi tắt là căn hộ chung cư số A2-02) do ông T bà N mua của Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản HA (gọi tắt là Công ty HA). Ông bà mua với giá là 3.268.445.257 đồng. Thời điểm hiện tại thì căn hộ trên có giá là 3.650.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi căn hộ.

Trang thiết bị nội thất (109.000.000 đồng) và đồ điện tử trong căn hộ. Tổng số tiền ông bà mua là 363.557.950 đồng. Bà đồng ý giao hết thiết bị nội thất và đồ điện tử trong căn hộ cho ông T và ông T có trách nhiệm giao trả số tiền cho bà 100.000.000 đồng.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về việc kết hôn, con chung, nợ chung. Tuy nhiên, ông không đồng ý những mâu thuẫn bà N đưa ra. Nay bà N làm đơn xin ly hôn ông đồng ý.

Con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, vì bà N thực tế không nuôi con, bà N để con chung ở nhà cho bố mẹ bà N chăm sóc.

Tài sản chung: Không có.

Căn hộ chung cư số A2-02 là tài sản riêng của ông, ông mua căn hộ trên bằng tiền mà ông được hưởng thừa kế của mẹ ông. Giá trị hiện tại của căn hộ là 3.650.000.000 đồng.

Về đồ nội thất và đồ điện tử thì ông sẽ đưa bà N số tiền 100.000.000 đồng để ông giữ lại toàn bộ đồ đạc nội thất, trang thiết bị.

Tại bản án dân sơ sơ thẩm số 954/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; khoản 2, 3, 4 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim N đối với ông Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông T (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường TA, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2015 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/4/2016 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng của ông T.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông T, bà N có quyền yêu cầu thay đổi trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Căn hộ số A2-02, tầng 16, Block A2 dự án khu căn hộ thương mại dịch vụ cao tầng đường KVC là tài sản chung của ông T, bà N. Giao cho ông T toàn quyền sở hữu tài sản chung. Ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà N số tiền 405.332.500 đồng, số tiền 100.000.000 đồng tiền nội thất do hai bên thỏa thuận, và số tiền 120.000.000 đồng ông T tự nguyện hỗ trợ bà N trong vòng 06 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tổng cộng ông T phải thanh toán cho bà N tổng số tiền là 625.332.500 đồng. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu căn hộ căn hộ số A2-02, tầng 16, Block A2 dự án khu căn hộ thương mại dịch vụ cao tầng đường KVC mang tên ông.

- Về nợ chung: Bà N, ông T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 07/7/2022, ông Nguyễn Minh T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, lý do: Hội đồng xét xử chưa xem xét đến toàn bộ chứng cứ trong vụ án, chưa thu thập và đánh giá chứng cứ khách quan, nội dung phán quyết chưa thấu tình đạt lý, vi phạm nghiêm trọng về tố tụng dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị ảnh hưởng.

Ngày 05/7/2022, bà Nguyễn Kim N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm liên

quan đến nội dung chia tài sản chung, lý do theo bà là Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan trong việc giải quyết tài sản chung của bà và bị đơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà theo quy định của pháp luật, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật dù nhiều lần được nguyên đơn làm đơn đề nghị. Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá đầy đủ, toàn vẹn các chứng cứ vụ án, không xem xét đến bản chất vụ việc, không cho bà được tiếp cận chứng cứ theo quy định, gây ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bà.

Ngày 13/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã có kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-HN đối với 01 phần bản án sơ thẩm số 954/2022/HNGĐ-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân quận A, cụ thể:

1/ Tại phần nhận định, Bản án ghi nhận án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông T phải chịu nhưng đến phần quyết định Tòa án không tuyên án phí cấp dưỡng là vi phạm điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: “Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch”.

Án phí chia tài sản chung: Bản án ghi nhận ông T phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 405.332.500 đồng là không đúng. Ông T phải chịu án phí trên toàn bộ giá trị tài sản mà ông được chia là $72,79\% \times 3.650.000.000 \text{ đồng} + 405.332.500 \text{ đồng} = 3.062.167.500 \text{ đồng}$.

Bản án còn ghi nhận bà N phải chịu án phí không có giá ngạch trên số tài sản yêu cầu chia không được chấp nhận $(72,79\% \times 3.650.000.000 \text{ đồng})/100)/2 = 1.328.417.500 \text{ đồng}$ là không đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đương sự chỉ phải chịu án phí đối với phần tài sản mà họ được chia, tức là bà N chỉ phải chịu án phí trên số tiền 405.332.500 đồng mà bà N được chia.

2/ Không đình chỉ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút: Ngày 10/7/2021, bà N có yêu cầu chia đôi nợ chung tại Ngân hàng SCB là 196.416.000 đồng. Ngày 15/12/2021, Tòa án nhân dân quận A đã thụ lý yêu cầu của đương sự. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 12/5/2022 và tại phiên tòa bà N xác định rút yêu cầu trên. Bản án không đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đã rút là vi phạm quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm số 954/2022/HNGĐ-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân quận A như nội dung đã phân tích trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: trong quá trình chung sống, số tiền đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên là tự nguyện, do đó việc tòa án cấp sơ thẩm chia cho bị đơn hưởng 22% là không thỏa đáng, nguyên đơn và bị đơn đều là người cùng đi mua nhà, cùng trang trí và sinh sống tại nhà, việc bị đơn được hưởng thừa kế nhưng tự nguyện nhập vào

tài sản chung vợ chồng nên đề nghị chia đôi tài sản chung, nguyên đơn đồng ý giao căn nhà cho bị đơn sử dụng và yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì nguyên đơn chăm sóc con tốt hơn, về tài sản chung như đã trình bày ở trên nên bà không đồng ý chia nhiều hơn cho bị đơn. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông thay đổi yêu cầu kháng cáo và cung cấp chứng cứ mới là: biên lai chuyển tiền 200 triệu đồng cho Công ty HA, nên số tiền ông đóng cho Công ty tổng cộng hơn 2,5 tỷ đồng. Như vậy, cấp sơ thẩm chia cho ông 72,79% là không đúng với số tiền ông đóng góp, nên ông yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chứng cứ mới của ông để chia ông phần nhiều hơn. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất được các phần sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/4/2016 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng của ông T (từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022), từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm”.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sửa một phần án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân và con chung, hủy một phần án sơ thẩm về tranh chấp chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát quận A nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo, kháng nghị được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N và ông T đã thỏa thuận và thống nhất được những phần sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/4/2016 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2022 mỗi tháng là 7.000.000 đồng, từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Xét các thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: bà N kháng cáo yêu cầu chia đôi tài sản chung, ông T kháng cáo yêu cầu được hưởng nhiều hơn do đóng góp nhiều hơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng mua bán số 140/2019/HĐMBCH-A2-OPB tháng 11/2019 giữa bà Nguyễn Kim N, ông Nguyễn Minh T với chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản HA đối với căn hộ A2-02 Tầng 16 Block A2 thuộc Dự án khu căn hộ thương mại dịch vụ cao tầng đường KVC với giá là 3.209.811.547 đồng và kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư (2% giá bán căn hộ) tương đương 58.633.710 đồng.

Theo bản khai ngày 05/5/2022 của nguyên đơn và bị đơn, đối chiếu hóa đơn thanh toán của bà N và ông T đối với Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản HA thể hiện ông T và bà N mới chỉ thanh toán tổng cộng là 3.049.320.970 đồng tương đương 95% giá trị mua bán căn hộ và 2% kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn hộ số A2-02 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, và giao quyền sở hữu, sử dụng đối với căn hộ cho ông Nguyễn Minh T là đúng theo pháp luật và theo thỏa thuận tự nguyện của các bên, tuy nhiên tỷ lệ hưởng phân chia cấp sơ thẩm tính tỷ lệ ông T được hưởng 72,79%, bà N hưởng 22,21% là không phù hợp thực tế chứng cứ các bên cung cấp, ông T trình bày được hưởng thừa kế và không có văn bản nhập số tiền vào tài sản chung. Tuy nhiên, ngay khi các bên ký hợp đồng mua bán căn hộ, đều thể hiện tên mua bán căn hộ là hai vợ chồng, các lần đóng tiền theo tiến độ, ông T đều tự nguyện chuyển để mua căn hộ theo hợp đồng hai vợ chồng đứng tên, như vậy đủ cơ sở xác định ý trí nhập số tiền được thừa kế riêng vào tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, chứng cứ là văn bản cam kết cho tài sản riêng (bút lục 86) không được Văn phòng công chứng Á Châu xác nhận như trình bày của ông T tại Tờ khai giao dịch thanh toán căn hộ A2.1602 (Bút lục 96). Như vậy, xác định phần giá trị được hưởng đối với trong thời kỳ hôn nhân của hai đương sự trong vụ án là như nhau.

Ngoài ra, án sơ thẩm không giải quyết nghĩa vụ phải thanh toán 5% số tiền mua căn hộ còn lại cho Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản HA thuộc về ông T hay bà N, quá trình giải quyết vụ án không đưa Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản HA vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng nên các quyền lợi và nghĩa vụ của người liên quan không được đảm bảo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm về tranh chấp tài sản chung, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần tài sản chung.

[2.2] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, xét thấy:

Ngày 10/7/2021, bà N có yêu cầu chia đôi nợ chung tại Ngân hàng SCB là 196.416.000 đồng. Ngày 15/12/2021, Tòa án nhân dân quận A đã thụ lý yêu cầu của đương sự. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 12/5/2022 và tại phiên tòa bà N xác định rút yêu cầu trên. Bản án không đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đã rút là vi phạm quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong hồ sơ không thể hiện số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này của bà N nên không xác định số án phí sẽ hoàn trả cho bà N là bao nhiêu, vì vậy cần hủy phần này của bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và làm rõ số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này là bao nhiêu, và hoàn trả cho bà N khi bà N rút yêu cầu.

Bản án ghi nhận án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông T phải chịu nhưng đến phần quyết định Tòa án không tuyên án phí cấp dưỡng là vi phạm điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Đối với án phí phân chia tài sản chung: Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đương sự chỉ phải chịu án phí đối với phần tài sản mà họ được chia, tức là bà N chỉ phải chịu án phí trên số tiền 405.332.500 đồng mà bà N được chia, ông T phải chịu án phí trên số tiền 3.062.167.500 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bà N phải chịu án phí trên số tiền 1.328.417.500 đồng, ông T chỉ chịu án phí trên số tiền 405.332.500 đồng là không đúng.

Do đó, kháng nghị là đúng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A.

[3] Do hủy 01 phần bản án sơ thẩm về phần tranh chấp tài sản chung nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 308 ; Điều 309 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59 Điều 81, Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim N, ông Nguyễn Minh T.

3. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 954/2022/HNGĐ-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường TA, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2015 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khôi N, sinh ngày 06/4/2016 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng của ông T (từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022), từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông T, bà N có quyền yêu cầu thay đổi trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 954/2022/HNGĐ-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết tranh chấp tài sản chung, nợ chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số ngày tháng năm 2021, bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm; ông T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5.2. Án phí chia tài sản chung: án phí sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

5.3. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn cho bà N số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0048847 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn cho ông T số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0048883 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND Quận A, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận A, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh